

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18-8-2021

V/v ly hôn giữa chị D và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quốc Mậu.

2. Ông Phạm Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2021/TLST - HNGĐ ngày 24-6-2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-7-2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Xóm C, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Lại Xuân Đ, sinh năm 1996.

Nơi cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Lê Thị D vắng mặt có lý do; anh Lại Xuân Đ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 21-6-2021, bản tự khai ngày 25-6-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lại Xuân Đ tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định ngày 27-9-2017.

Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh Đ tính gia trưởng ham chơi cờ và không quan tâm đến vợ con. Khi chị khuyên nhủ thì anh Đ chửi mắng chị. Mâu thuẫn gia đình anh chị ngày càng trầm trọng, đến tháng 3-2020 chị D không thể tiếp tục chịu đựng cuộc sống chung cùng anh Đ nên chị đã đưa con vào miền nam làm ăn. Tháng 02/2021 chị đưa con về nhưng chị về nhà mẹ đẻ ở xã K, huyện V sinh sống. Anh Đ muốn chị trở về để đoàn tụ gia đình, nhưng chị không đồng ý vì chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh Đ đã trầm trọng, tình cảm của chị với anh Đ không còn nên chị không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Lại Xuân B, sinh ngày 20-7-2018; cháu B được chị nuôi dưỡng từ khi anh chị sống ly thân, thời gian gần đây anh Đ đã đón cháu B về ở với anh Đ và ông bà nội. Nay ly hôn chị đồng ý nhường quyền nuôi con cho anh Đ, nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc và cũng không có quan điểm về việc nuôi con. Vậy chị xin nhận nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị có sức khỏe, có công việc ổn định nên đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị D xác định anh chị không có, chị không yêu cầu Tòa án giải xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Lại Xuân Đ: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ đến làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

* Tại biên lấy lời khai của người làm chứng, bà Phạm Thị N – là mẹ đẻ của anh Lại Xuân Đ trình bày: Lý do anh Đ không đến Tòa án làm việc được là do tháng 5-2021 anh Đ vào miền nam làm ăn nên bị dịch Covid-19 không về được. Tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án bà xin nhận thay và chuyển tới anh Đ. Anh Đ có nói rõ quan điểm của anh Đ với bà là anh Đ đồng ý ly hôn và để con là cháu Lại Xuân B cho chị D nuôi dưỡng.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 19-7-2021, chính quyền địa phương cung cấp như sau: Chị Lê Thị D và anh Lại Xuân Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V vào ngày 27-9-2017, hiện nay chị D và anh Đ vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị D và anh Lại Xuân Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Lại Xuân B, sinh ngày 20-7-2018 chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B trưởng thành, có khả năng lao động, tự lập được. Anh Lại Xuân Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lại Xuân Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Lê Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Lại Xuân Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Lại Xuân Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định ngày 27-9-2017, như vậy hôn nhân của chị D và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D xác nhận là do tình tình vợ chồng không hòa hợp, anh Đ ham chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 3-2020 đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị D và anh Đ không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ

chồng trầm trọng, việc này trái với quy định tại Điều 19, 21 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân gia đình của chị D và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị D và anh Lại Xuân Đ có 01 con chung là cháu Lại Xuân B, sinh ngày 20-7-2018, hiện cháu B đang được anh Đ nuôi dưỡng. Ly hôn chị D có nguyện vọng nuôi con, bản thân chị D có sức khỏe, có công việc và có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị D là giao cháu Lại Xuân B cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn: Chị Lê Thị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Lê Thị D và anh Lại Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lại Xuân B, sinh ngày 20-7-2018 cho chị Lê Thị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu B trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Hiện nay cháu B đang được anh Đ nuôi dưỡng, anh Đ có trách nhiệm giao cháu B cho chị Lê Thị D.

Anh Lại Xuân Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị D.

Anh Lại Xuân Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Lê Thị D.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị D phải nộp 300.000 đồng. Chị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2019/0001194 ngày 24-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (Chị D đã nộp đủ).

Chị Lê Thị D và anh Lại Xuân Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm